

Số: 117/2020/QĐST-HNGĐ

*Hải An, ngày 23 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Nguyễn Thị Thùy D; nơi cư trú: Số 10/15 tập thể XD, đường HN, phường SD, quận HB, Hải Phòng;

Anh Hoàng Minh TH; nơi cư trú: Tổ dân phố LK 4, phường TC, quận HA, Hải Phòng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Minh TH và chị Nguyễn Thị Thùy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trảng Cát, quận Hải An, Hải Phòng vào ngày 28/5/2014. Theo anh TH và chị D xác nhận: Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do cả hai có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Cuộc sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, căng thẳng, không còn khả năng hàn gắn. Cả hai không còn tình cảm và đã sống ly thân được

gần 5 năm nay. Anh TH và chị D đều nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn cũng như đời sống hôn nhân nên có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh TH và chị D có một con chung Hoàng Thanh TR, sinh ngày 13/12/2014. Anh chị thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh TH và chị D là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh hoạt, học tập hiện tại cũng như nguyện vọng của con chung nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh TH và chị D thống nhất thỏa thuận: Hàng tháng, anh TH có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng), kể từ tháng 5/2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh TH và chị D xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh TH và chị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh Hoàng Minh TH và chị Nguyễn Thị Thùy D cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao con chung Hoàng Thanh TR, sinh ngày 13/12/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Kể từ tháng 5/2020, anh TH có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung:

Anh TH và chị D cùng xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh TH và chị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh TH và chị D đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An theo Biên lai thu số 0005686 và 0005687 ngày 03 tháng 6 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND phường Tràng Cát, quận Hải An, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Ngọc Cường**

